

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ VÀ ĐẦU TƯ VỐ GIA
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ VÀ ĐẦU TƯ VỐ GIA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VO GIA MANAGEMENT AND INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: VO GIA MANAGEMENT AND INVESTMENT.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0108224735

3. Ngày thành lập: 09/04/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 6 Phố Hoa Lư, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 02462923362

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
2.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
3.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
4.	Trồng cây cà phê	0126
5.	Trồng cây chè	0127
6.	Sản xuất sản phẩm thuốc lá	1200
7.	Khai thác quặng kim loại quý hiếm	0730
8.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
9.	Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác Chi tiết: - Vệ sinh bên ngoài cho tất cả các công trình, bao gồm các văn phòng, nhà máy, cửa hàng, cơ quan và các khu nhà đa mục tiêu khác; - Dịch vụ vệ sinh chuyên nghiệp cho khu nhà như làm sạch cửa sổ, làm sạch ống khói hoặc vệ sinh lò sưởi, lò thiêu, nồi cất, ống thông gió, các bộ phận của ống; - Vệ sinh bể bơi hoặc bảo dưỡng; - Vệ sinh máy móc công nghiệp; - Vệ sinh tàu hỏa, xe buýt máy bay...; - Vệ sinh đường xá; - Dịch vụ tẩy uế và tiệt trùng; - Quét đường và cào tuyết; - Dịch vụ vệ sinh khu nhà và các công trình khác chưa được phân vào đâu.	8129

10.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: - Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại; - Bán lẻ khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp: bán lẻ nhiều loại hàng hóa trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp, cửa hàng bách hóa (trừ siêu thị, trung tâm thương mại), bán nhiều loại hàng hóa: quần áo, giày dép, đồ dùng gia đình, hàng ngũ kim, lương thực thực phẩm, trong đó lương thực, thực phẩm, đồ uống hoặc sản phẩm thuốc lá thuốc lá chiếm tỷ trọng nhỏ hơn các mặt hàng khác.	4719
11.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830
12.	Đại lý du lịch	7911
13.	Điều hành tua du lịch	7912
14.	Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn	8020
15.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
16.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
17.	Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi	8220
18.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất chiết xuất của các sản phẩm hương liệu tự nhiên ; - Sản xuất chất giống nhựa ; - Sản xuất nước hương liệu nguyên chất chưng cất; - Sản xuất sản phẩm hỗn hợp có mùi thơm dùng cho sản xuất nước hoa hoặc thực phẩm; - Sản xuất các sản phẩm hoá chất khác như: dầu mỡ, sản xuất chất tẩy kim loại, sản xuất chất phụ gia cho xi măng, sản xuất các bon hoạt tính, chất phụ gia cho dầu nhờn, chất xúc tác cho cao su tổng hợp, chất xúc tác và sản phẩm hoá chất khác sử dụng trong công nghiệp, - Sản xuất mực vẽ và in; - Sản xuất diêm; - Sản xuất hương các loại...	2029
19.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su Chi tiết: - Sản xuất các sản phẩm khác từ cao su thiên nhiên và cao su tổng hợp, cao su chưa lưu hoá hoặc đã lưu hoá hoặc đã làm cứng như: ống, vòi cao su, tấm phủ sàn bằng cao su, cáp và sợi cao su, đệm hơi cao su, sản xuất bóng bay; - Sản xuất chổi cao su; - Sản xuất lược cao su, lô cuốn tóc cao su và đồ tương tự; - Sản xuất nguyên liệu sửa chữa cao su; - Sản xuất sản phẩm dệt được tráng, phủ cao su với cao su là thành phần chính; - Đệm nước cao su.	2212
20.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220

21.	Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh	2310
22.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
23.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác Chi tiết: - Sản xuất bộ đồ ăn bằng sứ và các vật dụng khác trong nhà và nhà vệ sinh; - Sản xuất các tượng nhỏ và các đồ trang trí bằng gốm khác; - Sản xuất các sản phẩm cách điện và các đồ đặc cố định trong nhà cách điện bằng gốm; - Sản xuất chai, lọ, bình và các vật dụng tương tự cùng một loại được sử dụng cho việc vận chuyển và đóng gói hàng hoá; - Sản xuất đồ nội thất bằng gốm.	2393
24.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
25.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	2395
26.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
27.	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất bột đá, đá mài hoặc đá đánh bóng và các sản phẩm tự nhiên, nhân tạo bao gồm sản phẩm kết dính trên nền xốp; - Sản xuất sợi và tấm dệt khoáng phi kim, quần áo, mũ, giày dép, giấy, dây bện, dây thùng... - Sản xuất vật liệu cách âm khoáng; - Sản xuất các sản phẩm từ khoáng khác như: Mica và các sản phẩm từ mica, than bùn, than chì (không phải sản phẩm điện).	2399
28.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
29.	Đúc sắt, thép	2431
30.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
31.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
32.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
33.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
34.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
35.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
36.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
37.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
38.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
39.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
40.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
41.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	2826
42.	Sản xuất xe có động cơ	2910
43.	Đóng tàu và cấu kiện nổi	3011
44.	Sản xuất mô tô, xe máy	3091
45.	Sản xuất xe đạp và xe cho người tàn tật	3092

46.	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao	3230
47.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
48.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
49.	Dịch vụ đóng gói	8292
50.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh	8299
51.	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311
52.	Hoạt động thể thao khác Chi tiết: - Hoạt động liên quan đến thúc đẩy các sự kiện thể thao; - Hoạt động của các khu săn bắt và câu cá thể thao; - Hoạt động hỗ trợ cho câu cá và săn bắn mang tính thể thao hoặc giải trí.	9319
53.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
54.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Các hoạt động vui chơi và giải trí khác (trừ các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề); - Hoạt động của các khu giải trí, bãi biển, bao gồm cho thuê các phương tiện như nhà tắm, tủ có khoá, ghế tựa, dù che .v.v..; - Hoạt động của các cơ sở vận tải giải trí, ví dụ như đi du thuyền; - Cho thuê các thiết bị thư giãn như là một phần của các phương tiện giải trí; - Hoạt động hội chợ và trưng bày các đồ giải trí mang tính chất giải trí tự nhiên;	9329
55.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
56.	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	9620
57.	Cắt tóc, làm đầu, gội đầu	9631
58.	Hoạt động dịch vụ phục vụ hôn lễ	9633
59.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810
60.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Tư vấn, môi giới bất động sản	6820
61.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
62.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
63.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
64.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
65.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730

66.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
67.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
68.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ vải trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ len, sợi; - Bán lẻ nguyên liệu chính để làm chăn, thảm thêu hoặc đồ thêu; hàng dệt khác; - Bán lẻ đồ kim chỉ: kim, chỉ khâu...	4751
69.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ đồ ngũ kim trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ kính xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác; - Bán lẻ thiết bị lắp đặt vệ sinh: ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su...	4752
70.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
71.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ đồ dùng gia đình bằng gốm, sứ, thủy tinh trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ nhạc cụ trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác còn lại chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh.	4759
72.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
73.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
74.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763

75.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
76.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
77.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
78.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
79.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ Chi tiết: - Bán lẻ mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh lưu động hoặc tại chợ - Bán lẻ hàng gốm sứ, thủy tinh lưu động hoặc tại chợ - Bán lẻ hoa tươi, cây cảnh lưu động hoặc tại chợ - Bán lẻ hàng hóa khác chưa được phân vào đâu, lưu động hoặc tại chợ: bán lẻ động vật cảnh và thức ăn cho động vật cảnh; bán lẻ hàng hóa sử dụng để lau chùi, quét dọn, làm vệ sinh như chổi, bàn chải, giẻ lau...;	4789
80.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
81.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh; - Vận tải hành khách đường bộ khác chưa được phân vào đâu;	4932
82.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
83.	Vận tải đường ống	4940
84.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
85.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ Chi tiết: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5221
86.	Bốc xếp hàng hóa	5224
87.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
88.	Cơ sở lưu trú khác Chi tiết: Dịch vụ cung cấp cơ sở lưu trú tạm thời hoặc dài hạn là các phòng đơn, phòng ở chung hoặc nhà ở tập thể	5590
89.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
90.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621

91.	Dịch vụ ăn uống khác Chi tiết: - Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng với khách hàng, trong khoảng thời gian cụ thể. - Hoạt động nhượng quyền kinh doanh ăn uống, ví dụ cung cấp dịch vụ ăn uống cho các cuộc thi đấu thể thao hoặc những sự kiện tương tự trong một khoảng thời gian cụ thể. Đồ ăn uống thường được chế biến tại địa điểm của đơn vị cung cấp dịch vụ, sau đó vận chuyển đến nơi cung cấp cho khách hàng; - Cung cấp suất ăn theo hợp đồng, ví dụ cung cấp suất ăn cho các hãng hàng không, xí nghiệp vận tải hành khách đường sắt...; - Hoạt động nhượng quyền cung cấp đồ ăn uống tại các cuộc thi đấu thể thao và các sự kiện tương tự; - Hoạt động của các căng tin và hàng ăn tự phục vụ (ví dụ căng tin cơ quan, nhà máy, bệnh viện, trường học) trên cơ sở nhượng quyền.	5629
92.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
93.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật Chi tiết: - Kiểm tra thành phần và độ tinh khiết của khoáng chất...; - Kiểm tra chất lượng và độ tin cậy; - Kiểm tra hiệu ứng của máy đã hoàn thiện: mô tô, ô tô, thiết bị điện...; - Kiểm tra kỹ thuật hàn và mối hàn; - Phân tích lỗi.	7120
94.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
95.	Sửa chữa thiết bị khác Chi tiết: - Sửa chữa lưới đánh bắt cá, bao gồm cả phục hồi; - Sửa chữa dây, đòn bẩy, buồm, mái che; - Sửa chữa các túi để đựng phân bón và hoá chất ; - Sửa chữa hoặc tân trang các tấm gỗ pallet kê hàng hoá, các thùng hoặc thùng hình ống trên tàu và các vật dụng tương tự; - Sửa chữa máy bắn bóng và máy chơi game dùng tiền xu khác, thiết bị chơi bowling và các vật dụng tương tự; - Dịch vụ phục vụ đàn organ và nhạc cụ tương tự.	3319

96.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác Chi tiết: - Khử độc các vùng đất và nước ngầm tại nơi bị ô nhiễm, ở vị trí hiện tại hoặc vị trí cũ, thông qua sử dụng các phương pháp cơ học, hoá học hoặc sinh học; - Khử độc các nhà máy công nghiệp hoặc các khu công nghiệp, gồm cả nhà máy và khu hạt nhân; - Khử độc và làm sạch nước bề mặt tại các nơi bị ô nhiễm do tai nạn; - Làm sạch dầu loang và các chất gây ô nhiễm khác trên đất, trong nước bề mặt, ở đại dương và biển, gồm cả vùng bờ biển; - Huỷ bỏ amiăng, sơn chì và các vật liệu độc khác;	3900
97.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn vàng, bạc và kim loại quý khác (trừ vàng miếng)	4662(Chính)
98.	Trồng lúa	0111
99.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
100.	Trồng cây mía	0114
101.	Trồng cây thuốc lá, thuốc lào	0115
102.	Trồng cây lấy sợi	0116
103.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
104.	Trồng cây ăn quả	0121
105.	Trồng cây điều	0123
106.	Trồng cây hồ tiêu	0124
107.	Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp	0130
108.	Chăn nuôi trâu, bò	0141
109.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la	0142
110.	Chăn nuôi lợn	0145
111.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
112.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
113.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
114.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
115.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
116.	Săn bắt, đánh bắt và hoạt động dịch vụ có liên quan	0170
117.	Trồng rừng và chăm sóc rừng	0210
118.	Khai thác gỗ	0221
119.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0222
120.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
121.	Khai thác thủy sản biển	0311
122.	Khai thác thủy sản nội địa	0312
123.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
124.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322

125.	Sản xuất giống thủy sản	0323
126.	Khai thác và thu gom than cứng (Không hoạt động tại trụ sở)	0510
127.	Khai thác và thu gom than non (Không hoạt động tại trụ sở)	0520
128.	Khai thác dầu thô	0610
129.	Khai thác khí đốt tự nhiên	0620
130.	Khai thác quặng sắt	0710
131.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt Chi tiết: Khai thác và chuẩn bị khai thác quặng bôxít	0722
132.	Khai thác và thu gom than bùn	0892
133.	Khai thác muối	0893
134.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên	0910
135.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
136.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
137.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
138.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
139.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
140.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
141.	Sản xuất đường	1072
142.	Sản xuất ca cao, sôcôla và mứt kẹo	1073
143.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
144.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075

145.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất các sản phẩm cà phê như: cà phê hoà tan, cà phê lọc, chiết xuất cà phê và cà phê cô đặc; - Sản xuất các chất thay thế cà phê; - Trộn chè và chất phụ gia; - Sản xuất chiết suất và chế phẩm từ chè hoặc đồ pha kèm; - Sản xuất súp và nước xuyết; - Sản xuất thực phẩm đặc biệt như: đồ ăn dinh dưỡng, sữa và các thực phẩm dinh dưỡng, thức ăn cho trẻ nhỏ, thực phẩm có chứa thành phần hoóc môn; - Sản xuất gia vị, nước chấm, nước sốt như sốt madonnê, bột mù tạc và mù tạc; - Sản xuất giấm; - Sản xuất mật ong nhân tạo và kẹo; - Sản xuất thực phẩm chế biến sẵn dễ hỏng như: bánh sandwich, bánh pizza; - Sản xuất các loại trà được thảo (bạc hà, cỏ roi ngựa, cúc la mã); - Sản xuất men bia; - Sản xuất nước cốt và nước ép từ thịt, cá, tôm, cua, động vật thân mềm; - Sản xuất sữa tách bơ và bơ ; - Sản xuất các sản phẩm trứng, albumin trứng; - Sản xuất muối thanh từ muối mua, bao gồm muối trộn i ốt.	1079
146.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thuỷ sản	1080
147.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
148.	Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục)	1322
149.	Sản xuất thảm, chăn đệm	1323
150.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1324

151.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất các sản phẩm tấm dệt khổ hẹp, bao gồm các tấm dệt sợi ngang không có sợi dọc được ghép với nhau thông qua chất kết dính; - Sản xuất nhãn hiệu, băng rôn... - Sản xuất đồ tía trang trí: vải viền, quả tua; - Sản xuất nỉ; - Sản xuất màn tuyn và các màn bằng vải khác, sản xuất viền đăng ten cuộn, đăng ten mảnh, dải hoặc mẫu ten rời để trang trí; - Sản xuất tấm dệt được tẩm, được phủ hoặc tráng nhựa; - Sản xuất vải bố làm lớp xe bằng sợi nhân tạo có độ bền cao, - Sản xuất các loại vải được tráng hoặc xử lý khác nhau như: quần áo đi săn, vải buồm, lều bạt, vải dùng cho họa sĩ, vải thô và các loại vải hồ cứng... - Sản xuất các sản phẩm dệt khác: bắc đèn, mạng đèn măng sông; - Sản xuất bắc đèn măng sông, ống phun nước, băng chuyền, băng tải (bất kể chúng được tăng cường bằng kim loại hoặc vật chất khác hay không), quần áo biến dạng.	1329
152.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
153.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
154.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
155.	Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú	1511
156.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
157.	Sản xuất giày dép	1520
158.	Cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
159.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
160.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
161.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác Chi tiết: - Cho thuê máy móc và thiết bị nông lâm nghiệp không kèm người điều khiển; - Cho thuê máy móc và thiết bị xây dựng và kỹ thuật dân dụng không kèm người điều khiển; - Cho thuê máy móc và thiết bị văn phòng không kèm người điều khiển; - Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác chưa phân vào đâu được sử dụng như hàng hóa trong kinh doanh.	7730
162.	Cho thuê băng, đĩa video	7722
163.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Chi tiết: Hoạt động của các đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm	7810
164.	Sản xuất sợi	1311

165.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
166.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu	0128
167.	Phá dỡ	4311
168.	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	1101
169.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	1103
170.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh	0118
171.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
172.	Trồng cây cao su	0125
173.	Chăn nuôi dê, cừu	0144
174.	Chăn nuôi gia cầm	0146
175.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891
176.	Sản xuất rượu vang	1102
177.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
178.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ Chi tiết: Xây dựng công trình đường bộ	4210
179.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: - Xây dựng công trình công nghiệp, trừ nhà cửa như: + Các nhà máy lọc dầu, + Các xưởng hoá chất, - Xây dựng công trình cửa như: + Đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống... + Đập và đê. - Xây dựng đường hầm; - Xây dựng các công trình thể thao ngoài trời.	4290
180.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
181.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
182.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
183.	Sửa chữa giày, dép, hàng da và giả da	9523
184.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
185.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khoẻ tương tự (trừ hoạt động thể thao)	9610
186.	Bán mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đầu giá)	4541

187.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: - Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác: bán buôn các loại phụ tùng, bộ phận, linh kiện của ô tô và xe có động cơ khác như: săm, lốp, ắc quy, đèn, các phụ tùng điện, nội thất ô tô và xe có động cơ khác... - Bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống); - Đại lý phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá)	4530
188.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
189.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ hoa, cây cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ vàng, bạc, đá quý và đá bán quý, đồ trang sức trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ bán lẻ vàng miếng); - Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ dầu hỏa, ga, than nhiên liệu dùng cho gia đình trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ đồng hồ, kính mắt trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ xe đạp và phụ tùng trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ động vật cảnh và thức ăn cho động vật cảnh; - Bán lẻ đồ thờ cúng và hàng hóa phục vụ mục đích tín ngưỡng khác; - Bán lẻ hàng hóa sử dụng để lau chùi, quét dọn, làm vệ sinh như chổi, bàn chải, giẻ lau...;	4773
190.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ hoạt động đấu giá)	4774
191.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (trừ hoạt động đấu giá)	4791
192.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán lẻ các loại hàng hóa bằng phương thức khác chưa kể ở trên như: bán trực tiếp hoặc chuyển phát theo địa chỉ; bán thông qua máy bán hàng tự động ...; - Bán trực tiếp nhiên liệu (dầu đốt, gỗ nhiên liệu), giao trực tiếp tới tận nhà người sử dụng; - Bán lẻ của các đại lý hưởng hoa hồng (ngoài cửa hàng).	4799
193.	Vận tải bằng xe buýt	4920
194.	Quảng cáo (không bao gồm quảng cáo thuốc lá)	7310

195.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Hoạt động phiên dịch; - Hoạt động môi giới thương mại, sắp xếp có mục đích và bán ở mức nhỏ và trung bình, bao gồm cả thực hành chuyên môn, không kể môi giới bất động sản; - Hoạt động môi giới bản quyền (sắp xếp cho việc mua và bán bản quyền); - Hoạt động đánh giá trừ bất động sản và bảo hiểm (cho đồ cổ, đồ trang sức...); - Tư vấn về nông học; - Tư vấn về môi trường; - Tư vấn về công nghệ khác; - Hoạt động tư vấn khác trừ tư vấn kiến trúc, kỹ thuật và quản lý.	7490
196.	Cho thuê xe có động cơ	7710
197.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
198.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
199.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác Chi tiết: - Photo, chuẩn bị tài liệu; - Dịch vụ hỗ trợ thư ký; - Bản ghi tài liệu và dịch vụ thư ký khác; - Cung cấp dịch vụ thuê hộp thư thoại và dịch vụ chuyển phát thư khác (trừ quảng cáo thư trực tiếp); - Dịch vụ gửi thư.	8219
200.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện Chi tiết: - Sản xuất các sản phẩm gỗ khác nhau; - Sản xuất củi đun từ gỗ ép hoặc nguyên liệu thay thế như bã cà phê hay đậu nành; - Sản xuất khung gương, khung tranh ảnh bằng gỗ; - Sản xuất khung tranh sơn dầu cho nghệ sỹ; - Sản xuất bộ phận giày bằng gỗ (như gót giày và cốt giày); - Sản xuất cán ô, ba toong và đồ tương tự; - Sản xuất bộ phận dùng trong sản xuất tàu thuốc lá. - Sản xuất sản phẩm từ lâm sản (trừ gỗ), cói và vật liệu tết bện.	1629
201.	Sản xuất giấy nhẵn, bìa nhẵn, bao bì từ giấy và bìa	1702

202.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đầu Chi tiết: - Sản xuất giấy vệ sinh cá nhân và giấy dùng trong gia đình và sản phẩm chèn lót bằng xenlulo; - Sản xuất các đồ dẹt chèn lót và sản phẩm chèn lót như: giấy vệ sinh, băng vệ sinh; - Sản xuất giấy viết, giấy in; - Sản xuất giấy in cho máy vi tính; - Sản xuất giấy tự copy khác; - Sản xuất giấy nền và giấy than; - Sản xuất giấy phết hồ sẵn và giấy dính; - Sản xuất phong bì, bưu thiếp; - Sản xuất sổ sách, sổ kế toán, bìa rời, an-bum và các đồ dùng văn phòng phẩm tương tự dùng trong giáo dục và thương mại; - Sản xuất hộp, túi, túi dẹt, giấy tóm tắt bao gồm sự phân loại đồ dùng văn phòng phẩm bằng giấy; - Sản xuất giấy dán tường và giấy phủ tường tương tự bao gồm giấy có phủ chất dẻo và giấy dán tường có sợi dẹt; - Sản xuất giấy lọc và bìa giấy; - Sản xuất ống chỉ, suốt chỉ bằng giấy và bìa giấy; - Sản xuất khay đựng trứng và các sản phẩm đóng gói khác được đúc sẵn; - Sản xuất giấy mới từ giấy phế thải.	1709
203.	In ấn	1811
204.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
205.	Sao chép bản ghi các loại	1820
206.	Sản xuất than cốc	1910
207.	Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế	1920
208.	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011
209.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
210.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
211.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
212.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
213.	Sản xuất sợi nhân tạo	2030
214.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	2100
215.	Sản xuất sẫm, lớp cao su; đắp và tái chế lớp cao su	2211
216.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
217.	Sản xuất kim loại màu và kim loại quý	2420
218.	Đúc kim loại màu	2432
219.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
220.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513

221.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
222.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
223.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
224.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
225.	Sản xuất đồng hồ	2652
226.	Sản xuất thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp	2660
227.	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học	2670
228.	Sản xuất băng, đĩa từ tính và quang học	2680
229.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thể điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
230.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
231.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
232.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
233.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
234.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
235.	Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung	2815
236.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
237.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
238.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
239.	Sản xuất máy luyện kim	2823
240.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
241.	Sản xuất thân xe có động cơ, rơ moóc và bán rơ moóc	2920
242.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe	2930
243.	Đóng thuyền, xuồng thể thao và giải trí	3012
244.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
245.	Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan	3211
246.	Sản xuất đồ giả kim hoàn và chi tiết liên quan	3212
247.	Sản xuất nhạc cụ	3220
248.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250
249.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
250.	Sản xuất khí đốt, phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống	3520
251.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
252.	Xây dựng nhà các loại	4100
253.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi	3240

254.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất thiết bị bảo vệ an toàn; - Sản xuất chổi, bàn chải bao gồm bàn chải là bộ phận của máy móc, bàn chải sàn cơ khí điều khiển bằng tay, giẻ lau, máy hút bụi lông, chổi vẽ, trục lăn, giấy thấm sơn, các loại chổi, bàn chải khác... - Sản xuất bàn chải giày, quần áo; - Sản xuất bút và bút chì các loại bằng cơ khí hoặc không; - Sản xuất lõi bút chì; - Sản xuất tem ghi số, tem gắn, ghi ngày, các thiết bị in ấn điều khiển bằng tay hoặc các tem rập nổi, các thiết bị in bằng tay, lõi mực in và ribbon máy tính; - Sản xuất găng tay; - Sản xuất ô, ô đi nắng, gậy đi bộ; - Sản xuất các nút, khóa ấn, khoá móc, khoá trượt; - Sản xuất tàu hút xì gà; - Sản xuất các sản phẩm cho con người: tàu hút, lược, bình xịt nước hoa, lọc chân không và các bình chân không khác dùng cho cá nhân hoặc gia đình, tóc giả, râu giả, bút kẻ lông mày; - Sản xuất các sản phẩm khác: nệm, dây nệm và các thứ tương tự; hoa giả, vòng hoa, giỏ hoa, hoa nhân tạo, lá quả, vật lạ, vật gây cười, sàng, sây, manơ canh, quan tài... - Hoạt động nhồi bông thú.	3290
255.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
256.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
257.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
258.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
259.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
260.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
261.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
262.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
263.	Thu gom rác thải độc hại	3812
264.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
265.	Tái chế phế liệu	3830
266.	Xây dựng công trình công ích	4220
267.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
268.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
269.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322

270.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không thuộc về điện, hệ thống ống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hoà nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng; - Lắp đặt hệ thống thiết bị nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng.	4329
271.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
272.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: - Xây dựng nền móng của toà nhà, gồm đóng cọc; - Thử độ ẩm và các công việc thử nước; - Chống ẩm các toà nhà; - Chôn chân trụ; - Dỡ bỏ các phần thép không tự sản xuất; - Uốn thép; - Xây gạch và đặt đá; - Lợp mái bao phủ toà nhà; - Dựng giàn giáo và các công việc tạo dựng mặt bằng bằng dỡ bỏ hoặc phá huỷ các công trình xây dựng trừ việc thuê giàn giáo và mặt bằng; - Dỡ bỏ ống khói và các nồi hơi công nghiệp; - Các công việc đòi hỏi chuyên môn cần thiết như kỹ năng treo và sử dụng các thiết bị liên quan, ví dụ làm việc ở tầng cao trên các công trình cao; - Các công việc dưới bề mặt; - Xây dựng bể bơi ngoài trời; - Rửa bằng hơi nước, nổ cát và các hoạt động tương tự cho bề ngoài toà nhà; - Thuê cần trục có người điều khiển.	4390
273.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: - Bán buôn ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống); - Bán buôn xe có động cơ khác: + Ô tô chở khách loại trên 12 chỗ ngồi, kể cả xe chuyên dụng như xe cứu thương; + Ô tô vận tải, kể cả loại chuyên dụng như xe bồn, xe đông lạnh, rơ-moóc và bán rơ-moóc; + Ô tô chuyên dụng: xe chở rác, xe quét đường, xe phun nước, xe trộn bê tông...; + Xe vận chuyển có hoặc không gắn thiết bị nâng hạ, cặp giữ loại dùng trong nhà máy, kho hàng, sân bay, bến cảng, sân ga xe lửa.	4511
274.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512

275.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: - Đại lý ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống) - Đại lý xe có động cơ khác: + Ô tô chở khách loại trên 12 chỗ ngồi, kể cả loại chuyên dụng như xe cứu thương, xe chở tù, xe tang lễ; + Ô tô vận tải, kể cả loại chuyên dụng như xe bồn, xe đông lạnh; rơ-moóc và bán rơ-moóc; + Ô tô chuyên dụng: xe bồn, xe cứu hộ, xe cứu hỏa, xe chở rác, xe quét đường, xe phun tưới, xe trộn bê tông, xe chiếu chụp X-quang... (trừ hoạt động đấu giá)	4513
276.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: - Hoạt động bảo dưỡng và sửa chữa ô tô; - Hoạt động bảo dưỡng và sửa chữa xe có động cơ khác: + Sửa chữa phần cơ, phần điện, các bộ phận khác của xe có động cơ khác; + Bảo dưỡng thông thường; + Sửa chữa thân xe; + Rửa xe, đánh bóng, phun và sơn; + Sửa chữa, bơm vá xăm, lốp lắp đặt hoặc thay thế; + Xử lý chống gỉ; + Lắp đặt, thay phụ tùng và các bộ phận phụ trợ không thuộc công đoạn sản xuất;	4520
277.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
278.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (trừ hoạt động đấu giá)	4543
279.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: - Đại lý; - Môi giới;	4610
280.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
281.	Bán buôn gạo Chi tiết: Bán buôn gạo trong nước	4631
282.	Bán buôn thực phẩm	4632
283.	Bán buôn đồ uống	4633
284.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào	4634
285.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641

286.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; - Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế; - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; - Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; - Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm - Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao; - Bán buôn đồ kim chỉ: kim, chỉ khâu...; - Bán buôn ô dù; - Bán buôn dao, kéo; - Bán buôn xe đạp và phụ tùng xe đạp; - Bán buôn sản phẩm quang học và chụp ảnh (ví dụ: kính râm, ống nhòm, kính lúp); - Bán buôn băng, đĩa CD, DVD đã ghi âm thanh, hình ảnh; - Bán buôn đồng hồ đeo tay, đồng hồ treo tường và đồ trang sức.	4649
287.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
288.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
289.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
290.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); - Bán buôn máy móc, thiết bị y tế; - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu: + Bán buôn phương tiện vận tải trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe đạp; + Bán buôn người máy thuộc dây chuyền sản xuất tự động; + Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu; + Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào nhóm nào, sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác. + Bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính; + Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường.	4659
291.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661

292.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: - Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; - Bán buôn xi măng; - Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; - Bán buôn kính xây dựng; - Bán buôn sơn, vécni; - Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; - Bán buôn đồ ngũ kim; - Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác; - Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh: ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su,...	4663
293.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp; - Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp): bán buôn hoá chất công nghiệp; - Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; - Bán buôn cao su; - Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; - Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép; - Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại; - Bán buôn bột giấy; - Bán buôn đá quý.	4669
294.	Bán buôn tổng hợp	4690
295.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711

6. Vốn điều lệ: 80.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	VÕ THÀNH TRUNG	Số 30 phố Hoàng Diệu, Phường Điện Biên, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	2.400.000	24.000.000.000	30,000	000091000082	
			Tổng số	2.400.000	24.000.000.000	30,000		
2	NGUYỄN THỊ HỒNG NGÀ	Số 17, Ngách 65/5, Tập thể Văn công Quân đội, Phường Mai Dịch, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	3.200.000	32.000.000.000	40,000	013056757	
			Tổng số	3.200.000	32.000.000.000	40,000		
3	ĐOÀN ANH TUẤN	11/3 B4 Tập thể Bình Minh, Phường Phạm Ngũ Lão, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	2.400.000	24.000.000.000	30,000	142285338	
			Tổng số	2.400.000	24.000.000.000	30,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: **VÕ THÀNH TRUNG**

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Chủ tịch hội đồng quản trị*

Sinh ngày: *03/04/1991*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *000091000082*

Ngày cấp: *26/10/2017*

Nơi cấp: *Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 30 phố Hoàng Diệu, Phường Điện Biên, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 30 phố Hoàng Diệu, Phường Điện Biên, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội